0.a. Goal

Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

0.b. Target

Mục tiêu 3.7: Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm bảo vệ rủi ro tài chính, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả, chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 3.8 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 3.7.3 Số nhân viên y tế trên mười nghìn dân

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Bộ Y tế

1.f. Contact mail

Số 138A Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@moh.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Nhân viên y tế là lao động hiện đang làm việc trong các cơ sở y tế (kể cả công và tư, kể cả biên chế và hợp đồng) tại thời điểm báo cáo của một khu vực.

2.b. Unit of measure

trên 10.000 dân

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

- Báo cáo định kỳ hàng năm của các cơ sở y tế, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Y tế

- Điều tra cơ sở y tế;

3.b. Data collection method

* Bộ Y tế ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê gửi các cơ sở y tế, Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thu thập. Định kỳ, các cơ sở y tế, Sở Y tế gửi lại số liệu cho Bộ Y tế tổng hợp. Vụ Tổ chức cán bộ-Bộ Y tế được giao nhiệm tổng hợp số liệu từ cấp Sở gửi lên.

* Ngoài ra, có thể thu thập qua Điều tra cơ sở y tế chu kỳ 5 năm một lần, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5)

Là cuộc điều tra chọn mẫu trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, thu thập thông tin về các nội dung sau:

- Số lượng cơ sở y tế ngoài công lập;

- Loại cơ sở;

- Số giường bệnh ngoài công lập;

- Nhân lực y tế ngoài công lập.

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Bộ Y tế

3.f. Data compilers

Bộ Y tế

4.a. Rationale

- Chuẩn bị nhân lực y tế để đạt được các mục tiêu y tế là một trong những thách thức lớn nhất đối với hệ thống y tế của Việt Nam. Không có "tiêu chuẩn vàng" để đánh giá tính đầy đủ của nhân lực y tế nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân, tuy nhiên Báo cáo Y tế Thế giới

năm 2006 ước tính những khu vực thiếu 23 bác sĩ, y tá và nữ hộ sinh trên 10.000 dân thường không thể đáp ứng các hoạt động Chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Đánh giá nhân lực y tế giúp có thông tin về trình độ đào tạo của lực lượng lao động và sự phân bổ trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của các đơn vị, tuyến và các tỉnh, làm cơ sở cho xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho ngành.

4.b. Comment and limitations

- Dữ liệu cần phân tổ để xác định nhân viên y tế trong khu vực tư nhân hay không (tránh việc tính toán trùng lắp các nhân viên y tế thực hiện hai hay nhiều công việc như cán bộ y tế làm trong khu vực y tế công nhưng ngoài giờ lại làm tư).

- Khó thu thập số liệu của các cơ sở y tế của các ngành khác trên địa bàn.

- Một số ngành nghề khác nhưng là nhân viên thuộc cơ sở y tế vẫn được tính là nhân lực của ngành y tế.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Số nhân viên y tế trên mười nghìn dân} = \frac{\text{Tổng số nhân viên y tế làm việc tại các cơ sở y tế tại thời điểm báo cáo}}{\text{Tổng dân số tại thời điểm báo cáo}} \times 10.000$$

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn hàng năm từ 2013-2019 theo phân tổ vùng; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

-Số liệu có sẵn hàng năm từ năm 2014-2019 chia theo trình độ chuyên môn:

+ Bác sĩ;

+ Y bác sĩ;

+ Điều dưỡng;

+ Dược sĩ đại học

(Nguồn công bố: Niêm giám thống kê Y tế của Bộ Y tế).

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này phản ánh chỉ tiêu toàn cầu “3.c.1: Health worker density and distribution”- Mật độ và phân bố nhân viên y tế.

Chỉ tiêu toàn cầu phân loại nhân viên y tế theo danh mục nghề nghiệp ISCO-08. Ngoài phạm vi như của Việt Nam - bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, toàn cầu còn yêu cầu phân theo theo nha sĩ và số liệu tỷ lệ nhân viên y tế theo giới tính. Việt Nam không có phân tổ theo giới tính.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- Niên giám Thống kê y tế.

- https://unstats.un.org/sdgs/metadata/